

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
AN GIANG

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Tỷ lệ hiện nhiễm HIV có thể đã tăng trong nhóm tiêm chích ma túy và phụ nữ mại dâm đường phố

Trong số tất cả các tỉnh thành tham gia nghiên cứu năm 2009, An Giang là một trong những tỉnh có tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) thấp nhất. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ mại dâm nhà hàng (MDNH) đã giảm đáng kể từ 11% năm 2006 xuống còn 3% năm 2009. Tuy nhiên nhóm phụ nữ mại dâm đường phố (MDĐP) lại có chiều hướng ngược lại, với tỷ lệ hiện nhiễm tăng từ 5% năm 2006 lên 7.7% năm 2009 (Biểu đồ 1). 50% người TCMT tại An Giang có tuổi đời dưới 24 và 14% trong số họ bắt đầu sử dụng ma túy trong vòng một năm trước nghiên cứu.

Các hành vi nguy cơ đã giảm trong năm 2009

An Giang là một trong bốn tỉnh có tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) trong nhóm TCMT giảm, từ 33% năm 2006 xuống 15.4% năm 2009. Ngoài ra, có sự cải thiện trong việc báo cáo các hành vi tình dục an toàn của người TCMT với phụ nữ mại dâm (PNMD). Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên tăng từ 45% năm 2006 lên 73.3% năm 2009. Tỷ lệ người TCMT sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên tại An Giang cũng tăng từ 27.5% năm 2006 lên 33.6% năm 2009. Thêm vào đó, 84% người TCMT báo cáo nhận được BKT sạch miễn phí trong giai đoạn 6 tháng trước nghiên cứu trong năm 2009, tăng gấp 3 lần so với năm 2006 (Biểu đồ 2).

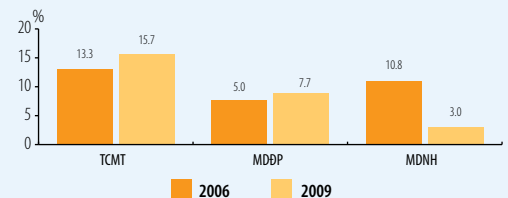
Ngoài ra, chỉ có 27.7% số người TCMT nhiễm HIV có quan hệ tình dục không bảo vệ với PNMD trong 12 tháng trước nghiên cứu, đây là tỷ lệ thấp nhất quan sát được trong tất cả các tỉnh thành tham gia nghiên cứu.

Hành vi sử dụng bao cao su thường xuyên tăng trong nhóm PNMD năm 2009

Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với khách quen cao hơn so với tỷ lệ dùng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong nhóm PNMD tại An Giang. An Giang là một trong những tỉnh mà tỷ lệ MDĐP và MDNH báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên năm 2009 thấp hơn so với năm 2006. Chỉ 30.8% MDĐP và 37.5% MDNH báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên năm 2009. Năm 2009, tỷ lệ MDĐP và MDNH làm xét nghiệm HIV và nhận kết quả lần lượt là 36.8% và 28.9%.

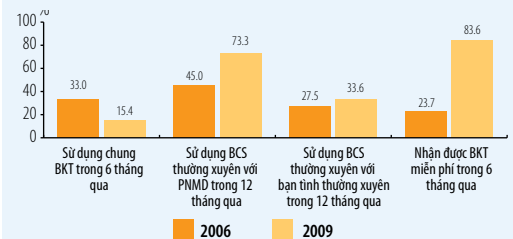
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại An Giang, IBBS 2006-2009



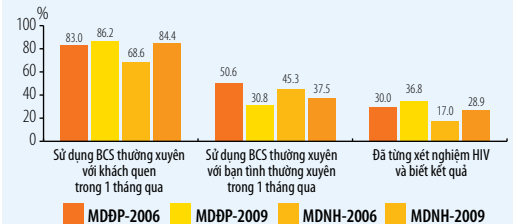
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm TCMT tại An Giang, IBBS 2006-2009



Biểu đồ 3:

Hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm PNMD tại An Giang, IBBS 2006-2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



Tóm lược kết quả tại AN GIANG

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại An Giang vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu cụm thời gian với cả nhóm phụ nữ mại dâm và nhóm tiêm chích ma túy.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 300)		(n= 299)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	13.3%		15.7%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	2.7%		0.3%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	33.0%		15.4%	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	23.7%		83.6%	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	45% (n= 129)		73.3% (n= 60)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	27.5% (n= 161)		33.6% (n= 152)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	21.1% (n= 246)		43.4% (n= 189)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	3.7%		20.7% (n= 298)	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n= 361)	MDĐP (n= 238)	MDNH (n= 263)	MDĐP (n= 300)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	10.8%	5.0%	3.0%	7.7%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	5.8%	5.5%	4.2%	7.3%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua	76.3% (n= 346)	84.9% (n= 219)	88.7% (n= 194)	91.8% (n= 245)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	68.6% (n= 318)	83.0% (n= 218)	84.4% (n= 218)	86.2% (n= 247)
Tỷ lệ thường xuyên sử dụng BCS với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	45.3% (n= 221)	50.6% (n= 154)	37.5% (n= 128)	30.8% (n= 117)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	8.9%	2.9%	2.7%	4.7%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	65.4%	74.4% (n= 237)	73.0%	83.9% (n= 298)
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	3.3%	7.1%	24.3%	29.3%

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI